TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Hai

2. Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm– Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long: ông Nguyễn Tấn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025, về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 159/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1976 – (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp F, xã S, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn*: anh Trần Thanh H, sinh năm 1976 – vắng mặt

Địa chỉ: Ấp F, xã S, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2025 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu B trình bày:

Về hôn nhân: qua quen biết chị B và anh H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (hiện nay là xã S, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 09/9/2005. Thời gian đầu vợ chồng sống tương đối hạnh phúc

thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 và chính thức ly thân từ năm 2022 cho đến nay không về đoàn tụ được.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống và bất đồng về kinh tế, anh H làm thợ hàn, trước đây chị B và anh H sống chung nhà, anh H sáng đi làm chiều về nhà nhưng từ năm 2022 đến nay anh H ra ngoài ở riêng và tự đi làm, tự tiêu xài cá nhân, anh H ngày càng lạnh nhạt không quan tâm đến chị B và cuộc sống gia đình, tuy thỉnh thoảng có chu cấp tiền cho con đi học nhưng rất ít. Chị B và anh H có nói chuyện với nhau về những mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh H im lặng không có ý kiến nên vợ chồng không thể hàn gắng được mà ngày càng xa cách. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung tên Trần Thị Mỹ K, sinh ngày 20/11/2002 và Trần Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 25/12/2015. Hiện nay cháu Trần Thị Mỹ K đã trưởng thành không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, có thể sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng cháu Trần Nguyễn Thiên Â đang sống chung với chị B. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Thiên Â và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Trần Thanh H được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 13/8/2025, cháu Trần Nguyễn Thiên Â trình bày:

Cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là chị Nguyễn Thị Thu B sau khi cha mẹ ly hôn với nhau.

Tại phiên tòa, chị B và anh H vắng mặt.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 10/12/2025 chị Nguyễn Thị Thu B xin vắng mặt, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: chị B yêu cầu ly hôn với anh H; về con chung: chị B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 25/12/2015 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền loại việc theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ và hòa giải. Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 81, 82, 83, 56 Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thu B được ly hôn với anh Trần Thanh H.

Về con chung: giao con chung tên Trần Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 25/12/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu B tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Ba K1 yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu B phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp nên chị Ba K1 phải nộp tiếp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận quan hệ tranh chấp về "ly hôn, tranh chấp nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại xã S, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu B có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Thanh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào Trích lục kết hôn số 233/TLKH-BS ngày 07/10/2024 của Ủy Ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu B và anh Trần Thanh H là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị B thì sau khi cưới nhau chị B và anh H cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng khi xảy ra mâu thuẫn thì không hàn gắn được. Từ năm 2022 đến nay anh H ra ngoài ở riêng và ngày càng lạnh nhạt không quan tâm đến chị B và cuộc sống gia đình. Chị B và anh H có nói chuyện

với nhau về những mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh H im lặng không có ý kiến nên vợ chồng không thể hàn gắng được mà ngày càng xa cách. Tại đơn xin ly hôn chị B trình bày hiện chị Ba K1 còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Về phía bị đơn anh Trần Thanh H được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trả lời, không tham gia hòa giải và phiên tòa xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu kèm theo để giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử nhận thấy anh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án xem như không có thành ý hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị B nên mối quan hệ hôn nhân của chị B và anh H không thể hàn gắn được. Từ năm 2022 đến nay anh H đã ra ở riêng và không còn quan tâm đến chị B và cuộc sống gia đình, qua nhiều năm anh chị vẫn không thể đoàn tụ, mạnh ai nấy sống vì thế mâu thuẫn của chị B và anh H đã trở nên trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và cũng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị B là có căn cứ, phù hợp Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: chị B trình bày vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Mỹ K, sinh ngày 20/11/2002 và Trần Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 25/12/2015. Hiện nay cháu Trần Thị Mỹ K đã trưởng thành không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, có thể sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Thiên Â và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H để làm rõ yêu cầu nuôi con chung của chị B nhưng anh H vắng mặt không rõ lý do nên không thể thu thập được ý kiến của anh H. Tại Bản tự khai ngày 13/8/2025 cháu Trần Nguyễn Thiên Â có nguyện vọng là sau khi cha mẹ ly hôn cháu được tiếp tục sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị Thu B. Mặt khác, chị B trình bày từ khi chị B và anh H ly thân đến nay cháu Trần Nguyễn Thiên Â ở chung với chị B, do chị B nuôi dưỡng đã ổn định về cuộc sống cho đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị B. Giao cháu Trần Nguyễn Thiên Â cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Ba K1 yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: chị Ba K1 yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu Ba P chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004981 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị B đã nộp đủ.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147; Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu B

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu B được ly hôn với anh Trần Thanh H.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Trần Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 25/12/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu B trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Thị T Ba không yêu cầu anh Trần Thanh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị T Ba không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc chị Nguyễn Thị Thu Ba P chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004981 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị B đã nộp đủ.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND KV2-VL: 02b
- Phòng THADS KV2-VL: 01b;
- UBND xã nơi thực hiện ĐKKH: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu: 04b.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Ngọc T1